



**DANH SÁCH HỌC SINH K8 - KTHK1/2023-2024**

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	011	16	Dương Minh Huy	Anh	8/1	
2	017	16	Lê Minh	Anh	8/1	
3	036	17	Lu Hà Quốc	Ân	8/1	
4	040	17	Dương Phạm Hoàng	Bách	8/1	
5	060	18	Nguyễn Tường Minh	Đạt	8/1	
6	077	18	Trần Gia	Hân	8/1	
7	083	18	Phạm Bảo	Hùng	8/1	
8	084	18	Nguyễn Anh	Huy	8/1	
9	086	18	Tạ Quang	Huy	8/1	
10	091	19	Phạm Nam	Hung	8/1	
11	098	19	Bùi	Khải	8/1	
12	108	19	Nguyễn Triều	Khang	8/1	
13	121	20	Dương Anh	Khoa	8/1	
14	096	19	Vũ Anh	Kiệt	8/1	
15	141	20	Mai Trần Hoàng	Lâm	8/1	
16	150	21	Nguyễn Bảo Trúc	Linh	8/1	
17	161	21	Võ Chi	Mai	8/1	
18	164	21	Hoàng	Minh	8/1	
19	183	22	Lý Hoài	Nam	8/1	
20	197	22	Lê Bảo	Ngọc	8/1	
21	209	23	Hoàng Thụy Hiền	Nhi	8/1	
22	233	25	Trần Ngọc Bảo	Quyên	8/1	
23	235	25	Trần Nguyên	Sa	8/1	
24	272	26	Lưu Mẫn	Thư	8/1	
25	275	26	Phạm Nguyễn Anh	Thư	8/1	
26	290	26	Trương Minh	Trí	8/1	
27	244	25	Lê Công Cẩm	Tú	8/1	



### DANH SÁCH HỌC SINH K8 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	012	16	Dương Minh Phúc	Anh	8/2	
2	015	16	Đặng Trần Quỳnh	Anh	8/2	
3	022	16	Nguyễn Ngọc	Anh	8/2	
4	028	16	Phạm Quốc	Anh	8/2	
5	048	17	Trần Thái Kim	Bảo	8/2	
6	055	17	Lưu Doanh	Doanh	8/2	
7	080	18	Nguyễn Gia	Hoàng	8/2	
8	082	18	Nguyễn Anh	Hùng	8/2	
9	085	18	Nguyễn Tuấn	Huy	8/2	
10	107	19	Nguyễn Quang	Khang	8/2	
11	120	20	Nguyễn Hoàng Gia	Khiêm	8/2	
12	134	20	Trần Thiện Minh	Khuê	8/2	
13	140	20	Đỗ Trần Tùng	Lâm	8/2	
14	145	20	Bùi Phương	Linh	8/2	
15	177	22	Trần Quang	Minh	8/2	
16	198	22	Lê Phan Hồng	Ngọc	8/2	
17	219	23	Đỗ Hoàng	Phú	8/2	
18	221	23	Đặng Bảo	Phúc	8/2	
19	223	23	Nguyễn Hoàng Mỹ	Phúc	8/2	
20	259	25	Nguyễn Hoàng	Thiên	8/2	
21	262	26	Nguyễn Tân	Thịnh	8/2	
22	270	26	Trần Ngọc Thu	Thủy	8/2	
23	247	25	Nguyễn Minh	Tuấn	8/2	
24	249	25	Phạm Ngọc	Tùng	8/2	
25	296	27	Nguyễn Hoàng Thanh	Uy	8/2	
26	308	27	Diệp Thanh	Vy	8/2	
27	318	27	Trương Hà	Vỹ	8/2	



### DANH SÁCH HỌC SINH K8 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	003	16	Ngô Phúc	An	8/3	
2	007	16	Võ Nguyễn Nhật	An	8/3	
3	019	16	Nguyễn Duy	Anh	8/3	
4	023	16	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	8/3	
5	043	17	Mạch Gia	Báo	8/3	
6	050	17	Trần Nguyễn Thanh	Bình	8/3	
7	053	17	Lê Vũ Phương	Chi	8/3	
8	062	18	Nguyễn Minh	Đức	8/3	
9	066	18	Trần Hương	Giang	8/3	
10	067	18	Huỳnh Võ Ngân	Hà	8/3	
11	090	19	Nguyễn Quốc	Hưng	8/3	
12	102	19	Cao Hữu Minh	Khang	8/3	
13	103	19	Huỳnh Minh	Khang	8/3	
14	116	19	Quách Ngọc Vân	Khánh	8/3	
15	124	20	Phạm Anh	Khoa	8/3	
16	127	20	Lê Minh	Khôi	8/3	
17	144	20	Trần Việt	Lâm	8/3	
18	171	21	Nguyễn Minh	Minh	8/3	
19	172	21	Nguyễn Quang	Minh	8/3	
20	185	22	Nguyễn Phan Bảo	Nam	8/3	
21	192	22	Lâm Bảo	Nghi	8/3	
22	193	22	Nguyễn Thái Gia	Nghi	8/3	
23	213	23	Trần Mỹ	Nhiên	8/3	
24	218	23	Trần Đình	Phong	8/3	
25	220	23	Huỳnh Đăng Gia	Phú	8/3	
26	224	23	Phạm Ngọc Kim	Phụng	8/3	
27	227	23	Đoàn Anh	Quân	8/3	
28	261	25	Lê Đỗ Phúc	Thịnh	8/3	
29	280	26	Trần Minh	Thy	8/3	
30	242	25	Nguyễn Đình Khánh	Toàn	8/3	
31	285	26	Trần Minh	Trang	8/3	
32	291	26	Huỳnh Minh	Triết	8/3	
33	295	27	Hoàng Mạnh	Trường	8/3	
34	302	27	Phan Nghiệp	Văn	8/3	
35	304	27	Luân Chí	Vĩ	8/3	



**DANH SÁCH HỌC SINH K8 - KTHK1/2023-2024**

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	001	16	Bùi An	An	8/4	
2	013	16	Đặng Quỳnh	Anh	8/4	
3	018	16	Lê Minh Trâm	Anh	8/4	
4	026	16	Nguyễn Trần Phương	Anh	8/4	
5	046	17	Nguyễn Trần Gia	Bảo	8/4	
6	049	17	Trịnh Huy Vinh	Bảo	8/4	
7	051	17	Ngô Đại	Cát	8/4	
8	054	17	Giang Khả	Doanh	8/4	
9	058	17	Phạm Trần Khánh	Duy	8/4	
10	065	18	Nguyễn Thụy Bảo	Giang	8/4	
11	072	18	Đào Thị Mai	Hân	8/4	
12	087	18	Đông Tiến	Hung	8/4	
13	110	19	Trần Duy	Khang	8/4	
14	123	20	Nguyễn Đỗ Đăng	Khoa	8/4	
15	128	20	Nguyễn Anh	Khôi	8/4	
16	143	20	Nguyễn Trần Đông	Lâm	8/4	
17	154	21	Ngô Hoàng	Long	8/4	
18	174	21	Phạm Lê Quốc	Minh	8/4	
19	191	22	Huỳnh Hồng Thanh	Nghi	8/4	
20	199	22	Nguyễn Lê Mỹ	Ngọc	8/4	
21	203	22	Nguyễn Phương	Nguyên	8/4	
22	204	23	Phạm Khôi	Nguyên	8/4	
23	217	23	Dương Đăng	Phong	8/4	
24	222	23	Ngô Gia	Phúc	8/4	
25	230	23	Nguyễn Mạnh	Quân	8/4	
26	238	25	Dương Thái Thanh	Tâm	8/4	
27	253	25	Lư Hồng Minh	Thanh	8/4	
28	254	25	Hà Đức	Thành	8/4	
29	271	26	Nguyễn Thái Đan	Thụy	8/4	
30	274	26	Nguyễn Vũ Thiên	Thư	8/4	
31	279	26	Phạm Uyên	Thy	8/4	
32	243	25	Phạm Huy	Toàn	8/4	
33	293	27	Nguyễn Thụy Thanh	Trúc	8/4	
34	312	27	Nguyễn Phạm Quỳnh	Vy	8/4	
35	316	27	Vũ Thảo	Vy	8/4	



**DANH SÁCH HỌC SINH K8 - KTHK1/2023-2024**

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	005	16	Trần Thị Như	An	8/5	
2	006	16	Trần Thiên	An	8/5	
3	010	16	Cao Phương	Anh	8/5	
4	020	16	Nguyễn Duy	Anh	8/5	
5	029	16	Phan Nguyễn Quỳnh	Anh	8/5	
6	031	17	Võ Bảo Trâm	Anh	8/5	
7	033	17	Vũ Duy	Anh	8/5	
8	037	17	Nguyễn Trần Ý	Ân	8/5	
9	042	17	Đỗ Gia	Bảo	8/5	
10	044	17	Nguyễn Gia	Bảo	8/5	
11	064	18	Vũ Trần Anh	Đức	8/5	
12	068	18	Mai Nguyễn Ngọc	Hà	8/5	
13	073	18	Huỳnh Gia	Hân	8/5	
14	079	18	Nguyễn Khoa	Hiếu	8/5	
15	112	19	Lê Huy	Khánh	8/5	
16	117	20	Trần Quốc	Khánh	8/5	
17	122	20	Dương Ngọc	Khoa	8/5	
18	130	20	Nguyễn Luân Anh	Khôi	8/5	
19	137	20	Trần Hy	Lam	8/5	
20	160	21	Lê Khang	Luân	8/5	
21	176	22	Trần Ngọc Tuyết	Minh	8/5	
22	179	22	Phạm Hải	My	8/5	
23	188	22	Nguyễn Tuyết	Nga	8/5	
24	200	22	Nguyễn Lương Hoàng	Ngọc	8/5	
25	202	22	Nguyễn Hải	Nguyên	8/5	
26	216	23	Luân Tuyết	Như	8/5	
27	226	23	Trần Bảo	Quang	8/5	
28	232	23	Trần Bảo	Quân	8/5	
29	257	25	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	8/5	
30	258	25	Huỳnh Hoàng	Thiên	8/5	
31	260	25	Lê Võ Minh	Thiệu	8/5	
32	284	26	Nguyễn Minh	Trang	8/5	
33	289	26	Trần Minh	Trí	8/5	
34	292	27	Lê Phan Thanh	Trúc	8/5	
35	251	25	Nguyễn Ánh	Tuyết	8/5	
36	303	27	Lage Thúy	Vi	8/5	



## DANH SÁCH HỌC SINH K8 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	002	16	Mai Vĩnh	An	8/6	
2	004	16	Nguyễn Thành	An	8/6	
3	008	16	Võ Nguyễn Thảo	An	8/6	
4	016	16	Đình Hồng Trâm	Anh	8/6	
5	032	17	Võ Phạm Quỳnh	Anh	8/6	
6	038	17	Trần Gia	Ân	8/6	
7	041	17	Đại Gia	Bảo	8/6	
8	045	17	Nguyễn Sĩ	Bảo	8/6	
9	059	18	Nguyễn Đại	Dương	8/6	
10	063	18	Trương Nguyễn Minh	Đức	8/6	
11	074	18	Lê Ngọc Bảo	Hân	8/6	
12	075	18	Mai Nguyễn Gia	Hân	8/6	
13	078	18	Võ Khánh	Hiên	8/6	
14	092	19	Võ Hoàng Gia	Hưng	8/6	
15	104	19	Lê Minh	Khang	8/6	
16	113	19	Lê Phương	Khánh	8/6	
17	114	19	Lưu Ngân	Khánh	8/6	
18	126	20	Dương Nguyên	Khôi	8/6	
19	094	19	Hà Quang Anh	Kiệt	8/6	
20	097	19	Trần Hoàng Thiên	Kim	8/6	
21	142	20	Nguyễn Hoàng Thùy	Lâm	8/6	
22	147	21	Đỗ Nguyễn Khánh	Linh	8/6	
23	148	21	Khổng Trịnh Gia	Linh	8/6	
24	157	21	Phạm Văn	Long	8/6	
25	159	21	Nguyễn Chí	Lộc	8/6	
26	162	21	Bùi Sỹ Anh	Minh	8/6	
27	170	21	Nguyễn Khánh	Minh	8/6	
28	182	22	Lê Quốc An	Nam	8/6	
29	184	22	Nguyễn Khoa	Nam	8/6	
30	189	22	Nguyễn Ngọc Thiên	Ngân	8/6	
31	195	22	Huỳnh Khánh	Ngọc	8/6	
32	212	23	Trương Thảo	Nhi	8/6	
33	234	25	Lê Trần Như	Quỳnh	8/6	
34	236	25	Nguyễn Lâm	Sơn	8/6	
35	263	26	Phạm Đức	Thịnh	8/6	
36	264	26	Phạm Phú	Thịnh	8/6	
37	269	26	Hoàng Thanh	Thủy	8/6	
38	273	26	Nguyễn Phạm Anh	Thư	8/6	
39	287	26	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	8/6	
40	300	27	Trần Nguyễn Thảo	Uyên	8/6	
41	306	27	Nguyễn Trần Thiên	Vũ	8/6	
42	309	27	Mai Ngọc Khánh	Vy	8/6	
43	319	27	Lê Hồng Ngọc	Xuân	8/6	

**DANH SÁCH HỌC SINH K8 - KTHK1/2023-2024**

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	009	16	Bùi Quý	Anh	8/7	
2	014	16	Đặng Trần Mai	Anh	8/7	
3	025	16	Nguyễn Thái Phương	Anh	8/7	
4	030	17	Trần Phạm Hoàng	Anh	8/7	
5	039	17	Trần Phúc	Ân	8/7	
6	056	17	Nguyễn Quốc	Dũng	8/7	
7	061	18	Trần Đức	Đạt	8/7	
8	076	18	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	8/7	
9	088	19	Hà Vĩnh	Hung	8/7	
10	109	19	Phan Gia	Khang	8/7	
11	115	19	Phan Từ Ngân	Khánh	8/7	
12	131	20	Nguyễn Minh	Khôi	8/7	
13	132	20	Phạm Nguyễn Nhật	Khôi	8/7	
14	133	20	Phạm Phi	Khôi	8/7	
15	095	19	Trần Tuấn	Kiệt	8/7	
16	138	20	Cao Khánh	Lâm	8/7	
17	151	21	Phạm Trúc	Linh	8/7	
18	152	21	Đoàn Ngọc	Long	8/7	
19	153	21	Lý Chiêu Hoàng	Long	8/7	
20	158	21	Trần Ngọc	Long	8/7	
21	168	21	Lê Nguyễn Hoàng	Minh	8/7	
22	173	21	Nguyễn Quang Ngọc	Minh	8/7	
23	180	22	Phạm Nguyễn Hoàng	My	8/7	
24	190	22	Nguyễn Phạm Thanh	Ngân	8/7	
25	201	22	Trần Bảo	Ngọc	8/7	
26	205	23	Vũ Duy	Nhân	8/7	
27	214	23	Lê Minh	Như	8/7	
28	228	23	Lương Minh	Quân	8/7	
29	229	23	Nguyễn Hoàng	Quân	8/7	
30	252	25	Đào Vũ Bách	Thanh	8/7	
31	255	25	Nguyễn Minh	Thành	8/7	
32	256	25	Võ Chí	Thành	8/7	
33	265	26	Lê Khải	Thông	8/7	
34	267	26	Nguyễn Minh	Thuận	8/7	
35	286	26	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm	8/7	
36	288	26	Phan Nguyễn Quốc	Trí	8/7	
37	248	25	Hồ Thanh	Tùng	8/7	
38	250	25	Phạm Quốc	Tùng	8/7	
39	298	27	Tạ Hoàng Phương	Uyên	8/7	
40	305	27	Nguyễn Thái	Vinh	8/7	
41	315	27	Trần Phương	Vy	8/7	
42	321	27	Nguyễn Hoàng	Yến	8/7	



## DANH SÁCH HỌC SINH K8 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	027	16	Phạm Hoàng	Anh	8/8	
2	034	17	Vũ Phúc Minh	Anh	8/8	
3	052	17	Cao Ngọc Minh	Châu	8/8	
4	057	17	Vũ Tiến	Dũng	8/8	
5	070	18	Võ Ngọc Duyên	Hải	8/8	
6	089	19	Lê Quang	Hưng	8/8	
7	100	19	Trần Quang	Khải	8/8	
8	101	19	Bành Nguyên	Khang	8/8	
9	105	19	Nguyễn Gia	Khang	8/8	
10	106	19	Nguyễn Huỳnh Minh	Khang	8/8	
11	111	19	Vũ Minh	Khang	8/8	
12	118	20	Trần Quốc	Khánh	8/8	
13	119	20	Trương Gia	Khánh	8/8	
14	129	20	Nguyễn Duy	Khôi	8/8	
15	093	19	Bùi Đức	Kiên	8/8	
16	139	20	Doãn Đăng	Lâm	8/8	
17	155	21	Nguyễn Phước Quý	Long	8/8	
18	156	21	Phạm Thành	Long	8/8	
19	163	21	Cao Phúc	Minh	8/8	
20	178	22	Võ Khải	Minh	8/8	
21	194	22	Trần Lê Thanh	Nghiêm	8/8	
22	196	22	Lai Hoàng Khánh	Ngọc	8/8	
23	206	23	Vũ Thành	Nhân	8/8	
24	207	23	Nguyễn Minh	Nhật	8/8	
25	208	23	Bùi Gia	Nhi	8/8	
26	210	23	Nguyễn Phạm Phương	Nhi	8/8	
27	211	23	Trương Bảo	Nhi	8/8	
28	225	23	Đặng Thiên	Phước	8/8	
29	237	25	Nguyễn Đại	Tài	8/8	
30	266	26	Nguyễn Ngọc	Thu	8/8	
31	268	26	Trần Nguyễn Phương	Thùy	8/8	
32	277	26	Võ Huỳnh Minh	Thư	8/8	
33	281	26	Trần Ngọc Quỳnh	Thy	8/8	
34	240	25	Nguyễn Đình Trọng	Tín	8/8	
35	283	26	Nguyễn Diễm	Trang	8/8	
36	294	27	Võ Huỳnh Thanh	Trúc	8/8	
37	246	25	Nguyễn Anh	Tuấn	8/8	
38	297	27	Đỗ Ngọc Phương	Uyên	8/8	
39	299	27	Trần Nguyễn Minh	Uyên	8/8	
40	301	27	Võ Lê Phương	Uyên	8/8	
41	317	27	Nguyễn Hà Gia	Vỹ	8/8	
42	320	27	Nguyễn Thanh Như	Ý	8/8	



### DANH SÁCH HỌC SINH K8 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	021	16	Nguyễn Minh	Anh	8P	
2	024	16	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	8P	
3	035	17	Hồ Thiên	Ân	8P	
4	047	17	Trần Ngọc Gia	Bảo	8P	
5	069	18	Trần Khiết	Hà	8P	
6	071	18	Phan Chí Minh	Hào	8P	
7	081	18	Hoàng Đình	Huân	8P	
8	099	19	Phạm Hoàng	Khải	8P	
9	125	20	Tiết Đăng	Khoa	8P	
10	135	20	Nguyễn Mỹ	Lam	8P	
11	136	20	Nguyễn Xuân Phương	Lam	8P	
12	146	21	Đình Nguyễn Vương	Linh	8P	
13	149	21	Ngô Gia	Linh	8P	
14	165	21	Huỳnh Thiên	Minh	8P	
15	166	21	Lê Đỗ Hiếu	Minh	8P	
16	167	21	Lê Hà Hoàng	Minh	8P	
17	169	21	Nguyễn Danh Đăng	Minh	8P	
18	175	22	Tô Ái	Minh	8P	
19	181	22	Huỳnh Nguyễn Khoa	Nam	8P	
20	186	22	Nguyễn Trúc Kỳ	Nam	8P	
21	187	22	Nguyễn Quỳnh	Nga	8P	
22	215	23	Lê Nguyễn Ý	Như	8P	
23	231	23	Trần Anh	Quân	8P	
24	239	25	Vũ Nguyễn Khánh	Tâm	8P	
25	276	26	Phan Minh	Thư	8P	
26	278	26	Phạm Lê Khánh	Thy	8P	
27	241	25	Thái Nguyễn Trung	Tính	8P	
28	282	26	Mạch Ngọc Uyên	Trang	8P	
29	245	25	Từ Anh	Tú	8P	
30	307	27	Trần Nam	Vương	8P	
31	310	27	Nguyễn Khabi	Vy	8P	
32	311	27	Nguyễn Lê Phương	Vy	8P	
33	313	27	Phạm Châu Mộc	Vy	8P	
34	314	27	Trần Bảo Khánh	Vy	8P	